

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá bán thanh lý tài sản của Công an TP Hải Phòng

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 do Quốc hội ban hành; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư Pháp về việc Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017 do Quốc hội ban hành;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-H03 ngày 13/01/2023 của Cục trưởng Cục trang bị và kho vận, Bộ Công an về việc thanh lý tài sản;

Công an TP Hải Phòng thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá để thực hiện đấu giá bán thanh lý tài sản như sau:

#### 1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: Công an TP Hải Phòng.
- Địa chỉ: Số 2 Lê Đại Hành, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
- Địa chỉ nơi để tài sản: Số 52 Lưu Úc, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng và Phân đội chữa cháy Minh Đức, Thủy Nguyên.

#### 2. Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm tài sản đấu giá:

- Tên tài sản: Lô phương tiện thanh lý.
- Giá khởi điểm: 1,423,735,000đ. Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng.

#### 3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản: Các tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 của Quốc hội ngày 17/11/2016 và các tiêu chí khác quy định cụ thể gồm 02 tiêu chí bắt buộc và chấm điểm như sau:

### 3.1. Tiêu chí bắt buộc

- Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
- Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố - Không đáp ứng được yêu cầu.

### 3.2. Tiêu chí chấm điểm

| TT        | NỘI DUNG  | MỨC ĐIỂM TỐI ĐA |
|-----------|---|-----------------|
| <b>I</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>   | <b>23,0</b>     |
| 1         | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá   | 11,0            |
| 1.1       | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...)   | 6,0             |
| 1.2       | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện   | 5,0             |
| 2         | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá   | 8,0             |
| 2.1       | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá   | 4,0             |
| 2.2       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá  | 4,0             |
| 3         | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động   | 2,0             |
| 4         | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến   | 1,0             |
| 5         | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá  | 1,0             |
| <b>II</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>  | <b>22,0</b>     |
| 1         | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan   | 4,0             |
| 2         | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0             |
| 3         | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá  | 4,0             |
| 4         | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá   | 4,0             |
| 5         | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự  | 3,0             |

|            |  |             |
|------------|--|-------------|
|            | cho việc tổ chức thực hiện đấu giá   |             |
| 6          | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá   | 3,0         |
| <b>III</b> | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>   | <b>45,0</b> |
| 1          | Trong năm trước liền kề <sup>(1)</sup> đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá <sup>(2)</sup> ( <i>Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng</i> )<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5  | 6,0         |
| 1.1        | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)   | 2,0         |
| 1.2        | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng  | 3,0         |
| 1.3        | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng  | 4,0         |
| 1.4        | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng  | 5,0         |
| 1.5        | Từ 30 hợp đồng trở lên   | 6,0         |
| 2          | Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm ( <i>Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng</i> )<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5 | 18,0        |
| 2.1        | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)  | 10,0        |
| 2.2        | Từ 20% đến dưới 40%  | 12,0        |
| 2.3        | Từ 40% đến dưới 70%  | 14,0        |
| 2.4        | Từ 70% đến dưới 100%   | 16,0        |
| 2.5        | Từ 100% trở lên  | 18,0        |
| 3          | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động ( <i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực</i> )<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3   | 5,0         |
| 3.1        | Dưới 03 năm  | 3,0         |
| 3.2        | Từ 03 năm đến dưới 05 năm  | 4,0         |
| 3.3        | Từ 05 năm trở lên  | 5,0         |
| 4          | Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3   | 3,0         |
| 4.1        | 01 đấu giá viên  | 1,0         |
| 4.2        | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên   | 2,0         |
| 4.3        | Từ 05 đấu giá viên trở lên   | 3,0         |

|                            |  |            |
|----------------------------|--|------------|
| 5                          | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản<br>(Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3 | 4,0        |
| 5.1                        | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên   | 2,0        |
| 5.2                        | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên   | 3,0        |
| 5.3                        | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên  | 4,0        |
| 6                          | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4   | 5,0        |
| 6.1                        | Dưới 50 triệu đồng   | 2,0        |
| 6.2                        | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng   | 3,0        |
| 6.3                        | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng  | 4,0        |
| 6.4                        | Từ 200 triệu đồng trở lên  | 5,0        |
| 7                          | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2  | 3,0        |
| 7.1                        | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)  | 2,0        |
| 7.2                        | Từ 03 nhân viên trở lên  | 3,0        |
| 8                          | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn   | 1,0        |
| <b>IV</b>                  | <b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3   | <b>5,0</b> |
| 1                          | Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính  | 3,0        |
| 2                          | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)  | 4,0        |
| 3                          | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)  | 5,0        |
| <b>V</b>                   | <b>Có kinh nghiệm đấu giá tài sản là xe ô tô, mô tô thanh lý loại biên chế của Ngành Công an trong 02 năm liền kề trước đó</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3  | <b>5,0</b> |
| 1                          | Có từ 1-5 hợp đồng   | 1,0        |
| 2                          | Có từ 6-10 hợp đồng  | 3,0        |
| 3                          | Có trên 10 hợp đồng  | 5,0        |
| <b>Tổng số điểm tối đa</b> |  | <b>100</b> |

- Tổng số điểm tối thiểu phải đạt: 70 điểm.

**Ghi chú:**

- Năm trước liền kề tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.
- Tài sản đấu giá cùng loại là tài sản đấu giá được quy định trong cùng một điểm của khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản.
- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần.

*Không chấm điểm trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản; tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.*

- Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

**4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản.**

- Thời gian: Thời gian nhận hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức bán đấu giá trong vòng 03 ngày làm việc (trong giờ hành chính) từ 08h00 phút ngày 08/03/2023 đến trước 17h00 phút ngày 10/03/2023.

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện (Hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện trước giờ của ngày kết thúc thông báo).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Hậu cần – Công an TP Hải Phòng, địa chỉ: Số 22 An Đà, P. Lạch Tray, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ: Đ/c Thắng, SĐT: 0988.082.669

Khi nộp hồ sơ đăng ký tham gia trực tiếp, người đến nộp hồ sơ cần xuất trình giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân/căn cước công dân.

*(Chú ý: Không hoàn lại hồ sơ đối với hồ sơ không được lựa chọn).*



Công an TP Hải Phòng thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu tham gia được biết./.

**Nơi nhận:**

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (<https://dgts.moj.gov.vn>);
- Cổng thông tin điện tử Công an TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hội đồng thanh lý tài sản, CATPHP.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đại tá Lê Trung Sơn**

10/2